

Bản án số: 245/2020/HNGĐ-ST
Ngày 23 – 11 – 2020
V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÀM ĐƠI, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Dũng Liêm.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Hiến.

Ông Nguyễn Ngọc Trường.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ánh Hồng là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đàm Đơ, tỉnh Cà Mau.

Ngày 23 tháng 11 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đàm Đơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 435/2020/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 10 năm 2020 về việc “tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 486/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 11 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị C, sinh năm 1988; cư trú tại: Ấp Tân L, xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

- *Bị đơn:* Anh Trương Hoàng D, sinh năm 1989; cư trú tại: Ấp Tân L, xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị C trình bày:

- Về hôn nhân: Chị và anh Trương Hoàng D tổ chức đám cưới vào năm 2016 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau. Trong quá trình chung sống vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, mặc dù gia đình hai bên đã nhiều lần hàn gắn nhưng không thành, do anh chị thường xuyên cãi nhau vì bất đồng quan điểm. Từ đó tình cảm giữa chị và anh D không còn gắn bó, thương yêu nhau, mỗi người có một cuộc sống riêng, không ai còn có trách nhiệm với ai, hiện tại anh chị đã ly thân nhau. Nay chị nhận thấy tình trạng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu xin ly hôn với anh Trương Hoàng D.

- Về con chung: Anh chị chưa có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với anh Trương Hoàng D: Từ khi thụ lý vụ án đến nay, Tòa án đã tổng hợp các văn bản tố tụng cho anh D nhưng anh D không có ý kiến gì về yêu cầu khởi kiện của chị C và không tham gia hòa giải, xét xử.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Nguyễn Thị C có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt; anh Trương Hoàng D đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự là đúng quy định.

[2] Về hôn nhân: Chị C và anh D tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2016 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp, được pháp luật công nhận là vợ chồng. Về nguyên nhân mâu thuẫn: Chị C xác định quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn do anh chị bất đồng quan điểm, mặc dù gia đình hai bên đã nhiều lần hàn gắn nhưng không thành, từ đó tình cảm giữa anh chị không còn gắn bó, thương yêu nhau, mỗi người có một cuộc sống riêng, không ai còn có trách nhiệm với ai và hiện tại anh chị đã ly thân nhau. Đối với anh D không có ý kiến phản đối yêu cầu xin ly hôn của chị C cho thấy anh không có nguyện vọng để hòa giải, hàn gắn tình cảm vợ chồng. Xét mâu thuẫn của anh chị đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình cho chị C được ly hôn anh D là phù hợp và đúng quy định của pháp luật.

[3] Về con chung: Chị C xác định anh chị không có con chung nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Chị C xác định không có, anh D không có ý kiến gì về nội dung này nên không đặt ra xem xét, trường hợp có phát sinh tranh chấp về các vấn đề này sẽ được xem xét, giải quyết bằng vụ án khác.

[5] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Theo khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì chị Nguyễn Thị C phải chịu 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị C.

1. Về hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị C được ly hôn với anh Trương Hoàng D.

2. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị C phải chịu 300.000 đồng, ngày 01/10/2020 chị C đã nộp tạm ứng 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0011058 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi được chuyển thu, sung quỹ nhà nước.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đầm Dơi;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi;
- Đương sự;
- UBND xã T, huyện Đ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Hồ Dũng Liêm

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Hiến

Nguyễn Ngọc Trường

Hồ Dũng Liêm

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đầm Dơi;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi;
- Đường sự;
- Lưu hồ sơ.

Hồ Dũng Liêm